

Số: 28/2025/QĐ-PQTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
VỀ YÊU CẦU HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với Hội đồng xét đơn yêu cầu gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Các Thẩm phán: Ông Đào Quốc Thịnh

Bà Lưu Thị Đoan Trang

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng - Thư ký
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà
Huỳnh Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã
tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự thụ lý số 206/2024/TLST-KDTM
ngày 21 tháng 11 năm 2024 về yêu cầu “Hủy phán quyết trọng tài” theo Quyết
định mở phiên họp số 6367/2024/QĐST-KDTM ngày 04/12/2024 và Quyết định
hoãn phiên họp số 38/2025/QĐ-HPH ngày 02/01/2025, giữa các đương sự:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Trần Huy C, sinh năm 1980

2/ Bà Nguyễn Thị Mộng N, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ thường trú: 427/81 ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên hệ: 101C tổ G, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP S1 (S2)

Địa chỉ trụ sở: Số A N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Chấn N1, sinh năm 1975 và ông
Nguyễn Trường S, sinh năm 1979 (văn bản ủy quyền số 349UQ-SCB-
TGD.24.00 ngày 25/12/2024)

NỘI DUNG VỤ VIỆC:

Nội dung tranh chấp:

Ngày 17/12/2020 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 (gọi tắt là S2) ký kết
với ông Trần Huy C, bà Nguyễn Thị Mộng N Thỏa thuận cho vay trung dài hạn
số 203490112/TD-SCB-CNBT1 để vay số tiền 9.450.000.000 đồng và Hợp
đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 203490113/BĐ-SCB-CNBT1 ký cùng
ngày.

Do ông C, bà N vi phạm các Thỏa thuận trên nên ngày 04/7/2022 S2 khởi kiện ra Trung tâm T (viết tắt VIFIBAR).

Phán quyết Trọng tài số 010/2024/PQTT-HĐTT ngày 28/02/2024 của Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm T (V) tại Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung như sau:

1. Địa điểm trọng tài và ra phán quyết trọng tài: Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Buộc Ông Trần Huy C và Bà Nguyễn Thị Mộng N phải trả cho Ngân hàng TMCP S1:

- Nợ gốc: **9.040.500.000 đồng** (Chín tỷ không trăm bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

- Tiền lãi phát sinh tới ngày 30/06/2022 là: **508.276.666 đồng**, trong đó:

- Lãi trong hạn: 494.193.416 đồng.

- Lãi quá hạn: 5.494.075 đồng.

- Lãi chậm trả: 8.589.175 đồng.

Tổng cộng là: **9.548.776.666 đồng** (Chín tỷ năm trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc từ ngày 30/06/2022 cho tới khi trả hết nợ với lãi suất quá hạn là 150% x lãi suất trong hạn theo như quy định tại Thỏa thuận cho vay trung dài hạn số 203490112/TD-SCB-CNBT1 ký kết ngày 17/12/2020. Việc thanh toán được thực hiện toàn bộ một lần ngay khi có phán quyết trọng tài.

Ngay sau khi ông Trần Huy C và bà Nguyễn Thị Mộng N thanh toán hết nợ, Ngân hàng TMCP S1 có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Huy C và bà Nguyễn Thị Mộng N các bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 893786, số vào sổ cấp GCN: CS03688 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh B cấp ngày 17/10/2019; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 893011, số vào sổ cấp GCN: CS03628 do Sở T - Tỉnh Bến Tre cấp ngày 09/09/2019; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 893333, số vào sổ cấp GCN: CS03642 do Sở T - Tỉnh Bến Tre cấp ngày 02/10/2019; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 164147, số vào sổ cấp GCN: CS04059 do Sở T – Tỉnh Bến Tre cấp ngày 22/06/2020 và các giấy tờ khác có liên quan đến các tài sản bảo đảm (nếu có).

3. Xử lý tài sản bảo đảm.

Nếu ông Trần Huy C và bà Nguyễn Thị Mộng N không thanh toán đủ số tiền **9.548.776.666 đồng** và lãi phát sinh theo điểm 2 Hội Đồng Trọng Tài Phán Quyết nêu trên thì Ngân hàng TMCP S1 được yêu cầu cơ quan chức năng thực hiện phát mãi các tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số

203490113/BD-SCB-CNBT1 ngày 17/12/2020 để thu hồi nợ với chi tiết như sau:

Tài sản 1:

Quyền sử dụng đất:

- Thửa đất số: 12.
- Tờ bản đồ số: 42.
- Địa chỉ: Thị trấn C, Huyện C, Tỉnh Bến Tre.
- Diện tích: 1.748,5 m² (Bằng chữ: Một nghìn bảy trăm bốn mươi tám phẩy năm mét vuông).
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.
- Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm.
- Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 01/06/2051.
- Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Người sử dụng đất, chủ sở hữu: Ông Trần Huy C.

Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 893786, số vào sổ cấp GCN: CS03688 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh B cấp ngày 17/10/2019.

Tài sản 2:

Quyền sử dụng đất:

- Thửa đất số: 13.
- Tờ bản đồ số: 42.
- Địa chỉ: Thị trấn C, Huyện C, Tỉnh Bến Tre.
- Diện tích: 2.419,3 m² (Bằng chữ: Hai ngàn bốn trăm mười chín phẩy ba mét vuông).
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.
- Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100,0 m²; Đất trồng cây lâu năm: 2.319,3 m².
- Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Sử dụng đến ngày 01/06/2051.
- Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất 100,0 m²; Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất 2.319,3 m².

Người sử dụng đất, chủ sở hữu: Ông Trần Huy C.

Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 893011, số vào sổ cấp GCN: CS03628 do Sở T – Tỉnh Bến Tre cấp ngày 09/09/2019.

Tài sản 3:

Quyền sử dụng đất:

- Thửa đất số: 33.
- Tờ bản đồ số: 42.
- Địa chỉ: Thị trấn C, Huyện C, Tỉnh Bến Tre.
- Diện tích: 733,8 m² (Bằng chữ: Bảy trăm ba mươi ba phẩy tám mét vuông).
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.
- Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm.
- Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 01/06/2051.
- Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Người sử dụng đất, chủ sở hữu: Ông Trần Huy C.

Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 893333, số vào sổ cấp GCN: CS03642 do Sở T1 - Tỉnh Bến Tre cấp ngày 02/10/2019.

Tài sản 4:

Quyền sử dụng đất:

- Thửa đất số: 83.
- Tờ bản đồ số: 43.
- Địa chỉ: Thị trấn C, Huyện C, Tỉnh Bến Tre.
- Diện tích: 151,1 m² (Bằng chữ: Một trăm năm mươi một phẩy một mét vuông).
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.
- Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 125,0 m²; Đất trồng cây lâu năm: 26,1 m².
- Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Sử dụng đến ngày 01/06/2051.
- Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất 125,0 m²; Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất 26,1 m².

Người sử dụng đất, chủ sở hữu: Ông Trần Huy C.

Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 164147, số vào sổ cấp GCN: CS04059 do Sở T - Tỉnh Bến Tre cấp ngày 22/06/2020.

Và toàn bộ hoa lợi, lợi tức phát sinh từ Tài Sản thế chấp, vật phụ, cây trồng tài sản khác trên đất, mọi diện tích, công trình xây dựng, coi nói thêm gắn liền với tài sản thế chấp, mọi khoản tiền bảo hiểm nộp cho tài sản thế chấp hoặc lợi ích từ hợp đồng bảo hiểm, tiền bồi thường thiệt hại cho việc tài sản thế chấp bị mất, mất giá trị, giảm sút giá trị,... đều thuộc Tài Sản thế chấp.

Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì ông Trần Huy C và bà Nguyễn Thị Mộng N vẫn có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán khoản nợ quy định tại điểm 2 H Trọng Tài Phán Quyết nêu trên cho đến khi trả hết nợ, nếu thừa thì hoàn trả cho ông Trần Huy C và bà Nguyễn Thị Mộng N.

4. Phí trọng tài và các chi phí khác

Ông Trần Huy C và bà Nguyễn Thị Mộng N phải chịu phí trọng tài là 211.491.000 đồng (Hai trăm mười một triệu bốn trăm chín mươi một nghìn đồng) và các chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản bảo đảm. Số tiền phí trọng tài do Ngân hàng TMCP S1 đã đóng trước đây. Vì vậy, Ông Trần Huy C và bà Nguyễn Thị Mộng N phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S1.

Không đồng ý với Phán quyết của Trọng tài, ngày 20/3/2024 ông C gửi đơn yêu cầu đến Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khởi kiện yêu cầu xem xét huỷ Phán quyết Trọng tài số 010/2024/PQTT-HĐTT ngày 28/02/2024 của VIFIBAR với lý do như sau:

- Thỏa thuận trọng tài vô hiệu do ông đã bị lừa dối khi giao kết thỏa thuận cho vay và hợp đồng thế chấp chứa đựng nhiều điều khoản giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.

- Hội đồng trọng tài đã không xem xét đến tình tiết khách quan là bị đơn không được giải ngân đầy đủ số tiền ngân hàng cam kết cho vay (9.450.000.000 đồng) dẫn đến đưa ra phán quyết không đúng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông, bà.

- Chứng cứ mà Ngân hàng cung cấp liên quan đến hồ sơ giải ngân có thể là giả mạo.

Tại phiên họp, người yêu cầu vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình và đề nghị Hội đồng xét đơn cho giám định chữ ký của ông trong 02 giấy mượn tiền.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP S1 trình bày:*

Phán quyết Trọng tài số 010/2024/PQTT-HĐTT ngày 28/02/2024 đã được VIFIBAR tiến hành thực hiện các thủ tục tiếp nhận, thụ lý, quá trình thực hiện thủ tục tố tụng, áp dụng pháp luật đúng theo các quy định của pháp luật. Nội dung của Phán quyết Trọng tài số 010/2024/PQTT-HĐTT ngày 28/02/2024 hoàn toàn đúng theo quy định. Do đó Ngân hàng TMCP S1 không đồng ý hủy Phán quyết Trọng tài.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

Qua kiểm sát vụ việc từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ việc, Tòa án có

quyết định mở phiên họp và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Luật Trọng tài Thương mại.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng mở phiên họp: Phiên họp đã tiến hành đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Luật Trọng tài Thương mại.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự là ông C và đại diện Ngân hàng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Luật Trọng tài Thương mại. Bà N không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Luật Trọng tài Thương mại.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét đơn căn cứ Khoản 5 Điều 71 Luật Trọng tài thương mại, đề nghị Hội đồng Đình chỉ việc xét đơn yêu cầu của bà N, không chấp nhận yêu cầu của ông C về việc hủy Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 010/2024/PQTT-HĐTT ngày 28/02/2024 của VIFIBAR.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ việc được thẩm tra tại phiên họp; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét đơn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ông C yêu cầu hủy phán quyết trọng tài. Đây là việc dân sự về yêu cầu kinh doanh thương mại liên quan đến việc Trọng tài thương mại Việt Nam giải quyết tranh chấp, nơi Hội đồng Trọng tài tuyên Phán quyết Trọng tài là Thành phố Hồ Chí Minh, do đó căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 31, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm o khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, và điểm g Khoản 2, Khoản 3 Điều 7 Luật Trọng tài thương mại, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về thời hiệu nộp đơn yêu cầu: Ngày 28/02/2024 là ngày công bố Phán quyết Trọng tài vụ kiện số 010/2024/PQTT-HĐTT ngày 28/02/2024 của VIFIBAR (sau đây gọi tắt là Phán quyết Trọng tài). Ngày 20/3/2024 ông C, bà N nộp đơn yêu cầu đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy Phán quyết Trọng tài là còn trong thời hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Trọng tài Thương mại.

Bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét đơn Đình chỉ việc xét đơn theo yêu cầu của bà N.

[2]. Về nội dung: Xét lý do trong đơn yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài của người yêu cầu là ông C, căn cứ các tài liệu chứng cứ đính kèm tại đơn yêu cầu và lời trình bày của các bên tại phiên họp, Hội đồng xét đơn nhận thấy:

[2.1] Đối với lý do: - Thỏa thuận trọng tài vô hiệu do ông đã bị lừa dối khi giao kết thỏa thuận cho vay và hợp đồng thế chấp chứa đựng nhiều điều khoản giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Hội đồng xét đơn xét thấy:

Tại khoản 20.5 Điều 20 Thỏa thuận cho vay trung dài hạn số 203490112/TD-SCB-CNBT1 ký kết ngày 17/12/2020 và Khoản 5 Điều 14 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 203490113/BĐ-SCB-CNBT1 ký kết ngày 17/12/2020 có nội dung “Mọi tranh chấp phát sinh hoặc có liên quan đến Thỏa thuận này sẽ được giải quyết tại Trung tâm T theo các tổ tụng của Trung tâm này hoặc Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật”, do đó khi SCB khởi kiện ông C, bà N tại VIFIBAR là đúng với quy định tại điểm a khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và theo quy định tại Điều 5, Điều 16 Luật thương mại.

[2.2] Đối với lý do: Chứng cứ mà Ngân hàng cung cấp liên quan đến hồ sơ giải ngân, trọng tài sử dụng tài liệu giả mạo:

Tại phiên họp Hội đồng xét đơn cho ông C xem các biên bản sau:

- Thỏa thuận cho vay trung dài hạn số 203490112/TD-SCB-CNBT1 ký kết ngày 17/12/2020;

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 203490113/BĐ-SCB-CNBT1 ký kết ngày 17/12/2020;

- Biên bản định giá tài sản ngày 17/12/2020;

- Giấy cam kết ngày 17/12/2020;

- Giấy mượn tiền ngày 03/6/2020 ông Phạm Công Đ cho ông Trần Huy C vay 1,450 tỷ đồng;

- Giấy mượn tiền ngày 11/5/2020 ông Phạm Công Đ cho ông Trần Huy C vay 08 tỷ đồng.

- Biên bản giao nhận hồ sơ TSBĐ ngày 17/12/2020;

- Giấy đề nghị rút vốn ngày 17/12/2020

- Ủy nhiệm chi ngày 18/12/2020;

- 02 Biên bản đối chiếu công nợ giữa ông Trần Huy C và ông Phạm Công Đ (số nợ 08 tỷ đồng và 1,450 tỷ đồng);

Tại phiên họp, ông C xác định chữ ký trong 02 Giấy mượn tiền và Ủy nhiệm chi không phải chữ ký của ông và yêu cầu Hội đồng xét đơn giám định chữ ký, đối với các chữ ký còn lại là của ông. Ông trình bày, Trọng tài không cung cấp tài liệu cho ông nên ông không yêu cầu giám định chữ ký, ông cũng không yêu cầu Trọng tài xác minh tài liệu ngân hàng cung cấp.

Hội đồng xét đơn xét thấy ngoài Giấy mượn tiền ngày 11/5/2020, Giấy mượn tiền ngày 03/6/2020 và Ủy nhiệm chi ngày 18/12/2020 ông C không thừa

nhận chữ ký của ông thì còn các tài liệu khác như Danh mục hồ sơ tiếp nhận từ khách hàng ngày 20/10/2020 là chữ ký của ông thì trong văn bản này có liệt kê ông C nộp 02 Giấy mượn tiền là bản sao. Ông C không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh tài liệu Trọng tài sử dụng giả mạo, tại phiên họp của Trọng tài ông C không phản đối, căn cứ Điều 13 Luật Trọng tài thương mại ông C mất quyền phản đối nên Hội đồng xét đơn không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông.

[3] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp có ý kiến: Đề nghị đình chỉ yêu cầu của bà N, không chấp nhận yêu cầu của ông C về việc hủy Phán quyết Trọng tài. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét đơn nên chấp nhận.

[4] Căn cứ Khoản 3 Điều 39 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành thì trường hợp của ông C, bà N phải chịu lệ phí Tòa án, tuy nhiên trong phần danh mục lệ phí Tòa án thì lại không quy định rõ đối với loại việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài lệ phí là bao nhiêu. Vì vậy, ông C, bà N không phải chịu lệ phí.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 2 Điều 31, Điểm a Khoản 3 Điều 38, Khoản 3 Điều 414 và Điều 415 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 69, Điều 71, Điều 72 Luật Trọng tài thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài Thương mại.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ việc xét đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mộng N về việc hủy Phán quyết Trọng tài.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Huy C về việc hủy Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 010/2024/PQTT-HĐTT của Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm T (V) lập ngày 28/02/2024 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quyết định này là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các bên, Hội đồng Trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện Kiểm sát không có quyền kháng nghị.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Trọng tài Thương mại Tài chính Ngân hàng Việt Nam;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT ĐƠN YÊU CẦU
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**



Hoàng Thị Bích Thảo